

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 80/2023/HS-ST

Ngày: 11/7/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Thẩm phán: Bà Vương Thị Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Luận.

Ông Trương Ngọc Cường.

Ông Phạm Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2023/QĐXXST-HS ngày 27/6/2023 đối với bị cáo:

Tạ Thị M.A, sinh năm 1993 tại tỉnh L; nơi ĐKHKTT: thôn K, xã P, huyện H, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn B, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1967; gia đình: có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng: Nguyễn Đức A, sinh năm 1994 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2022 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo (do chỉ định):** Luật sư Nguyễn Thị L, Công ty Luật TNHH T – số 123 đường N, khu 3, phường S, thành phố B, tỉnh B; có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh Trần Trung D, sinh năm 1988; Trú tại: số 180, Khu K, phường V, thành phố B, tỉnh B; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tăng Văn V, sinh năm 1986; Trú tại: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh H; có mặt.

2. Công ty T, địa chỉ: L, phường N, quận B, thành phố H.

Đại diện: Anh Bùi Đình L, sinh năm: 1999; nơi ĐKKHKT: thôn N, xã V, huyện N, tỉnh N; tạm trú tại: số nhà 55, thôn L, xã K, huyện H, thành phố H; vắng mặt.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1954; Trú tại: số 25 khu H, phường 1, thành phố Đ, tỉnh L; vắng mặt.

4. Anh Tạ Xuân H, sinh năm 1995; Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh L; có mặt.

5. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1967; Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh L; vắng mặt.

6. Anh Mai Xuân D, sinh năm 1995; Trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; Trú tại: khu K, phường V, thành phố B, tỉnh B; vắng mặt.

2. Anh Trần Văn S, sinh năm 1982; Trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh N; vắng mặt.

3. Chị Lương Thị Y, sinh năm 1980; Trú tại: số 92 đường P, tổ 13, khu phố 2, phường P, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Thị M.A sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh L là lao động tự do, không kinh doanh, không làm thuê trong lĩnh vực kinh doanh nước giải khát. Để có tiền chi tiêu, M.A đã thực hiện nhiều hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền của người bị hại như sau: M.A sử dụng tài khoản Facebook (tài khoản fb) tên “NPP Hồng Huy” (*nhà phân phối Hồng Huy*) vào các trang fb của các nhà phân phối nước giải khát chính thức, giả danh là người môi giới thỏa thuận đặt mua hàng. Đồng thời M.A sử dụng fb “NPP Hồng Huy” giả danh là nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát, đăng quảng cáo rao bán nước giải khát, rượu, bia với mức giá thấp hơn giá đã thỏa thuận mua của nhà phân phối từ 10.000đ - 20.000đ /1 thùng. Khi có khách hàng (người bị hại) liên hệ với M.A

để mua hàng thì M.A yêu cầu người mua kết bạn với tài khoản zalo tên “Trang” của M.A (tài khoản này M.A đăng ký bằng số điện thoại 0913.163.xxx) để trực tiếp trao đổi mua - bán. Để gây dựng và củng cố lòng tin cho người bị hại, M.A thỏa thuận bán cho người bị hại chủng loại, số lượng hàng đặt mua trước đó nhưng với giá thấp hơn giá M.A đặt mua. Thỏa thuận xong về mặt hàng, giá cả, số lượng mua bán thì M.A gửi cho người bị hại hình ảnh mặt hàng, vị trí (định vị) kho hàng qua ứng dụng zalo mà nhà phân phối chính thức đã gửi cho M.A từ trước. Khi người bị hại đến kho lấy hàng kiểm tra chủng loại, số lượng hàng xong thì M.A yêu cầu người bị hại chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng trước khi lấy hàng. Người bị hại tin tưởng việc mua bán với M.A là thật chuyển khoản cho M.A thì bị M.A chiếm đoạt tiền mua hàng. Để che giấu hành vi phạm tội, M.A đã liên hệ với cửa hàng vàng K, địa chỉ số 25, khu H, phường 1, thành phố Đ, tỉnh L, do vợ chồng bà Lê Thị H, sinh năm 1954 làm chủ. M.A nói với bà H: tiền M.A mua vàng của cửa hàng bà H sẽ do người nhà chuyển khoản đến, vì vậy bà H cung cấp số tài khoản 641100008xxxxxx mang tên bà H mở tại ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) cho M.A (tài khoản ngân hàng của bà H). M.A gửi số tài khoản ngân hàng do bà H cung cấp cho các bị hại để nhận tiền chuyển khoản. Sau khi người bị hại chuyển tiền đến thì M.A sử dụng 1 phần tiền chiếm đoạt được mua vàng, số còn lại M.A yêu cầu bà H giao tiền mặt.

Với thủ đoạn trên, từ tháng 08/2022 đến tháng 09/2022, M.A thực hiện thành công 02 vụ lừa đảo, chiếm đoạt được tiền mua CocaCola của anh Trần Trung D, sinh ngày 02/01/1988, HKTT: khu K, phường V, thành phố B, tỉnh B và tiền mua CocaCola, bia Sài Gòn của chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992, HKTT: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B, cụ thể như sau:

1) Chiếm đoạt 414 triệu 420 nghìn đồng của anh Trần Trung D:

Chiều ngày 25/8/2022 anh D thấy thông tin rao bán nước giải khát trên trang fb “NPP Hồng Huy” của M.A. Anh D nhắn tin với M.A qua ứng dụng Messenger trao đổi việc mua - bán. Tiếp đó anh D sử dụng tài khoản zalo của anh D tên “Trung Dũng - Khả Lễ” kết bạn với tài khoản zalo tên “Trang” của M.A tiếp tục trao đổi mua - bán CocaCola lon. Quá trình trao đổi, M.A cung cấp anh D số điện thoại **0379.109.xxx** để liên lạc. Theo thỏa thuận anh D đặt mua của M.A 2.470 thùng CocaCola lon với giá **168.000đ/thùng**, tổng số tiền hàng anh D phải trả cho M.A là 414.960.000 đồng. Do trước đó M.A đã liên hệ với anh Tăng Văn V, sinh năm 1986, HKTT: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh H là người kinh doanh và phân phối nước giải khát có chi nhánh (kho hàng) tại phường T, quận H, thành phố H (kho hàng T). M.A và anh V đã thỏa thuận: M.A đặt mua

của anh V 2.470 thùng CocaCola lon (là số lượng hàng sau này M.A thỏa thuận bán cho anh D), giá **181.000đ/thùng**, tổng số tiền hàng M.A phải trả anh V 447.070.000 đồng. Sau khi anh V gửi hình ảnh kho hàng, vị trí kho hàng cho M.A thì M.A yêu cầu anh V không nói giá bán khi giao hàng cho người mua để M.A hưởng tiền chênh lệch giá. Tiếp theo M.A chia sẻ hình ảnh, vị trí kho hàng mà anh V đã gửi và cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm giao - nhận hàng cho anh D. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày 25/8/2022, anh D điều xe ô tô BKS xxC-211.xx và anh Trần Văn H là em ruột của anh D điều khiển xe ô tô BKS: xxC-234.xx đến kho hàng T và thông báo cho M.A biết. M.A gọi điện qua ứng dụng zalo thông báo cho anh V biết BKS xe đến lấy hàng. Tại kho hàng T, anh D kiểm tra hàng, thấy đúng số lượng, chủng loại hàng nên tin tưởng việc mua - bán hàng với M.A là thật. Vì vậy khi M.A yêu cầu anh D chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng trước khi bốc, xếp hàng thì anh D đồng ý. M.A gửi số tài khoản ngân hàng của bà H cho anh D. Anh D chuyển khoản **88.920.000 đồng** từ tài khoản số 190010108xxxxx của anh D mở tại ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB) đến tài khoản ngân hàng của bà H, nội dung chuyển khoản ghi “tt 520 coca”. Sau đó M.A thông báo cho anh V đã chuyển tiền mua hàng cho anh V, kèm theo hình ảnh chụp giao diện màn hình điện thoại có thông tin M.A đã chuyển khoản **447.100.000 đồng** đến tài khoản ngân hàng ngân hàng của anh V. Theo M.A khai: giao diện màn hình điện thoại có thông tin M.A chuyển khoản cho anh V là giả, người tạo giao diện giả này M.A chỉ biết có tên là T. Do anh V thấy tài khoản ngân hàng không có tiền chuyển khoản đến như M.A cung cấp nên anh V không đồng ý cho lấy hàng thì M.A gọi điện nói với anh V: tiền mua hàng đã chuyển hết rồi, vì lý do nào đó bị chậm, M.A yêu cầu anh V cho lấy trước 1 xe, giữ lại 1 xe khi nào ngân hàng báo tiền chuyển đến thì cho xe thứ 2 lấy hàng, anh V đồng ý. Sau đó, anh D bốc, xếp 520 thùng CocaCola lên xe ô tô BKS xxC-211.xx. Anh D bốc, xếp xong 520 thùng CocaCola lên xe ô tô thì M.A thúc giục anh D chuyển khoản số tiền mua hàng còn lại là 325.500.000 đồng mua 1.950 thùng CocaCola như thỏa thuận. Vì tin tưởng việc mua- bán là có thật nên anh D tiếp tục chuyển khoản 325.500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của bà H. Cùng thời điểm này, anh V thấy giao diện chuyển tiền M.A gửi đến chủ tài khoản ngân hàng là Trần Tăng V nên anh V yêu cầu M.A kiểm tra lại. Sau đó M.A gửi tiếp hình ảnh chụp giao diện màn hình điện thoại có nội dung chuyển khoản 447.100.000 đồng đến đúng tài khoản ngân hàng và họ tên chủ tài khoản là anh Tăng Văn V. Tuy nhiên tài khoản ngân hàng của anh V không có tiền chuyển vào nên anh V gọi điện thoại cho M.A thì đã bị chặn, anh V nghi ngờ bị lừa đảo nên dừng xuất hàng. Lúc này anh D đã

chở 520 thùng CocaCola về kho ở B và quay lại để lấy số hàng còn lại (1.950 thùng CocaCola) thì bảo vệ kho hàng không cho lấy hàng. Anh D gọi điện cho anh V thì mới phát hiện đã bị M.A lừa chiếm đoạt tiền mua hàng. Anh D đã tự nguyện chở số 520 thùng cocacola trả lại anh V.

Như vậy, ngày 25/8/2022, M.A đã có hành vi gian dối bán cho anh Trần Trung D 2.470 thùng CocaCola lon, chiếm đoạt của anh D tổng số **414 triệu 420 nghìn đồng** (Theo thỏa thuận anh D phải chuyển cho M.A là 414.960.000 đồng, nhưng khi lấy hàng, anh D phải trực tiếp lái xe nâng nâng các kiện CocaCola lên ô tô, anh D tự trừ 540.000 đồng công lái xe nâng khi chuyển khoản cho M.A).

2) Chiếm đoạt 179.600.000 đồng của chị Nguyễn Thị H:

Quá trình kinh doanh nước giải khát, chị H vào trang fb cá nhân “NPP Hồng Huy” của M.A. Sau đó chị Hiền nhắn tin với M.A trao đổi việc mua- bán bia và CocaCola. Ngày 03/09/2022 M.A sử dụng zalo tên “Trang” kết bạn với tài khoản zalo “Nguyen Thi Hien” của chị H và cho chị H số điện thoại **0399480xxx** để liên lạc. Do M.A báo giá bán CocaCola lon là 170.000 đồng/1 thùng và giá bia Sài Gòn là 232.000 đồng/1 thùng và nói dối giá sẽ tăng vào hôm sau. Vì vậy chị H đã thỏa thuận đặt mua của M.A 650 thùng Cocacola lon và 300 thùng bia lon Sài Gòn như M.A đã báo giá. Để gây dựng và củng cố niềm tin cho chị H, M.A chia sẻ vị trí lấy hàng qua zalo cho chị H ở địa chỉ: xã D, huyện H, thành phố H. Đây là kho hàng của Công ty T, địa chỉ: L, phường N, quận B, Hthành phố H, kinh doanh mặt hàng nước giải khát giao cho anh Bùi Đình L, sinh năm 1999, HKTT: thôn N, xã V, huyện N, tỉnh N, quản lý, bán hàng. Trước đó M.A đã liên hệ với anh L và được anh L báo giá 1 thùng Cocacola lon là 189.000đ/1 thùng, mua số lượng lớn thì giảm 1 giá = 188.000đ/1 thùng, bia lon Sài Gòn giá 244.000đ/1 thùng, M.A nói với anh L khi nào lấy sẽ thông báo sau. Anh L yêu cầu M.A chuyển tiền mua hàng thành công vào tài khoản ngân hàng số 08001865xxxxx của anh L mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBBank) mới cho bốc hàng. Chiều ngày 05/9/2022, chị H cung cấp toàn bộ thông tin việc giao- nhận hàng cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982 là anh chồng của chị H đi lấy hàng. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/9/2022, anh S điều khiển xe ô tô BKS: xxC-103.xx đến kho của Công ty T tại địa chỉ nêu trên (kho hàng). Khi đến kho hàng, anh S gọi điện thoại thông báo cho M.A biết, M.A thông báo qua ứng dụng zalo cho anh L và gửi số điện thoại của anh S cho anh L để liên hệ. M.A cũng dặn anh L không nói cho người lấy hàng là anh S biết giá anh L thỏa thuận bán hàng cho M.A. Sau khi anh S kiểm tra thấy có đủ số lượng, chủng loại hàng thì anh S thông báo cho chị H biết. Cùng thời điểm này, M.A yêu

cầu chị H thanh toán tiền mua hàng trước thì mới được bốc, xếp hàng và yêu cầu chị H chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của bà H. Chị H tin tưởng việc mua bán hàng là có thật nên đồng ý chuyển khoản 179.600.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 1098076xxxxx của chị H mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank) đến tài khoản ngân hàng của bà H. Sau khi chuyển khoản thành công, chị H chụp màn hình điện thoại hình ảnh thông tin chuyển khoản gửi qua ứng dụng zalo cho M.A, đồng thời chị H thông báo cho anh S biết. Tại kho hàng, anh L chờ tiền hàng mua hàng chuyển vào tài khoản ngân hàng của anh L thì mới cho anh S bốc, xếp hàng vì vậy chị H gọi cho M.A bằng ứng dụng zalo và số điện thoại M.A đã cung cấp thì M.A chặn toàn bộ liên lạc. Anh L gọi điện cho M.A hỏi việc mua, bán hàng thì cũng không liên lạc được. Chị H biết bị lừa đảo chiếm đoạt 179.600.000 đồng nên đến Công an tỉnh B tố giác.

Như vậy, ngày 05/9/2022, M.A đã có hành vi gian dối, bán cho chị Nguyễn Thị H 650 thùng CocaCola lon và 300 thùng bia lon Sài Gòn, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H **179.600.000 đồng**.

* Tổng số tiền M.A đã chiếm đoạt được của cả chị H và anh D là **594.020.000 đồng**.

* Xác minh dòng tiền M.A sử dụng tiền đã chiếm đoạt được của anh D, chị H như sau:

Toàn bộ **594.020.000 đồng** M.A lừa đảo chiếm đoạt được đều chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của bà H. Tại đây M.A mua 07 lượng vàng (14 nhẫn tròn loại 5 chỉ/nhẫn), 01 lắc chân trọng lượng 7 chỉ hết tổng số tiền **403.200.000 đồng**, yêu cầu bà H trả tiền mặt là **190.820.000 đồng**. Sau đó, M.A khai: M.A mang số vàng đã mua của cửa hàng vàng K đến thành phố H bán hết cho 1 cửa hàng vàng M.A không nhớ địa chỉ được **280.000.000 đồng**. Sau đó M.A nhờ một người không quen chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của M.A số 7500100000456 mở tại ngân hàng MB; tiếp theo bị cáo chuyển khoản **260.222.222 đồng** đến tài khoản số 95012345xxxxx mở tại ngân hàng MB của anh Tạ Xuân H, sinh năm 1995 là em trai ruột của M.A để anh H thanh toán hộ bị cáo khoản vay *200 triệu đồng* của ngân hàng Agribank Chi nhánh L (khoản vay này M.A nhờ mẹ đẻ là bà Phạm Thị C, sinh năm 1967 đứng tên vay hộ). Số tiền còn lại M.A nhờ anh H mua đồ dùng, thực phẩm...cho 02 con nhỏ của M.A đang sống với bà C và anh H. Chuyển khoản **41.200.000 đồng** đến tài khoản số 199834xxxxx mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ngân hàng MB) của anh Mai Xuân D, sinh năm 1995 ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L trả tiền mua sim số điện thoại số **038634xxxxx** và thanh toán các khoản nợ.

Mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade số khung: RLHKF5306NZxxxxxx; số máy: KF53E00xxxxxx tại cửa hàng N ở xã T, huyện L, tỉnh L giá **63.500.000 đồng** nhưng M.A nhờ anh H đứng tên. Tổng số tiền M.A chi tiêu đã xác minh được là **364.922.222 đồng**. Số tiền còn lại M.A khai sử dụng chi tiêu bằng tiền mặt cho các nhu cầu cá nhân khác hết.

Sau khi anh D, chị H phát hiện bị lừa đảo chiếm đoạt tiền mua hàng đã làm đơn trình báo PA05 Công an tỉnh B. Thông qua công tác kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, ngày 12/9/2022, PA05 Công an tỉnh B đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Tạ Thị M.A. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra Tạ Thị M.A giao nộp điện thoại Iphone 6s của bị cáo, trong máy có gắn sim điện thoại số 038634xxxx, trên phần ứng dụng Zalo vẫn đang đăng nhập tài khoản Zalo “Trang”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, trung cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định khôi phục dữ liệu trong điện thoại. Tại Kết luận giám định số 1073 ngày 27/4/2023, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: *“Trong điện thoại mẫu cần giám định: Tìm thấy 13 tin nhắn trao đổi tại ứng dụng Zalo tên “Trang”; không tìm thấy các tin nhắn trao đổi tại ứng dụng Facebook Messenger tên “NPP Hồng Huy”...”. Cho chị H và M.A xem nội dung 13 tin nhắn đã tìm thấy thì chị H và bị cáo xác nhận đây là 13 tin nhắn giữa chị H và bị cáo trong quá trình bị cáo lừa đảo chiếm đoạt 179.600.000 đồng của chị H.*

Công tác nhận dạng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thu giữ được hình ảnh từ Camera giám sát của cửa hàng vàng K ghi lại hình ảnh bị cáo đến cửa hàng rút tiền và mua vàng từ nguồn tiền lừa đảo chiếm đoạt được của anh D, chị H. Trích xuất hình ảnh ra thành bản ảnh cho anh Tạ Xuân H (em ruột bị cáo), ông Tạ Văn B (bố đẻ bị cáo), anh Mai Xuân D (người bán sim điện thoại số 038634xxxx cho bị cáo) xác nhận hình ảnh. Kết quả anh H, ông B đều xác nhận người trong ảnh đến cửa hàng K giao dịch mua vàng là Tạ Thị M.A. Anh D xác nhận Tạ Thị M.A là người mua sim điện thoại của anh D.

Vật chứng đã thu giữ:

Thu giữ của Tạ Thị M.A: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, trong có 03 sim điện thoại (02 sim lắp trong máy, 01 sim kẹp trong ốp lưng) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh - đen, đã qua sử dụng, trong có lắp 02 sim Viettel của Tạ Thị M.A;

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen, không có biển kiểm soát, số khung: RLHKF5306NZxxxxxx, số máy: KF53E-xxxxxxx của M.A.

Anh Mai Xuân D tự nguyện giao nộp 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) do bán sim điện thoại số 0386.34xxxx cho Tạ Thị M.A.

Xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý, trả lại chiếc sim có số seri: 898404800038580xxxx (số thuê bao 038634xxxx) cho anh D;

Trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra anh D yêu cầu bồi thường **414.420.000 đồng**. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường **179.600.000 đồng**. Bị cáo Tạ Thị M.A chưa bồi thường đồng nào cho anh D, chị H.

Tại Cáo trạng số: 70/CT-VKS-P1 ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo Tạ Thị M.A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, không oan, số tiền chiếm đoạt được của các bị hại bị cáo đã mua 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen; 01 sim điện thoại, trả nợ Ngân hàng và tiêu sài cá nhân hết. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được sử dụng xe mô tô và số tiền 40 triệu đồng bị cáo mua Sim anh D đã nộp lại để bồi thường cho các bị hại, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại trình bày: Các bị hại là anh Trần Trung D và chị Nguyễn Thị H đều trình bày yêu cầu bị cáo Tạ Thị M.A phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Cụ thể anh D yêu cầu bồi thường là 414.420.000đ; chị H yêu cầu bồi thường 179.600.000đ và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Tăng Văn V trình bày: Quá trình anh bán các mặt hàng nước giải khát thì có tài khoản Zalo tên “Trang” đặt mua nước giải khát của anh, sau đó anh thấy có anh D đến nhận hàng nhưng do anh không nhận được tiền và phát hiện hình ảnh chuyển tiền mà tài khoản Zalo “Trang” gửi cho anh là photoshop anh nghi là lừa đảo nên anh không giao hàng cho anh D, từ trước đến nay anh chưa bao giờ giao dịch mua bán gì với Tạ Thị M.A, việc M.A lừa đảo anh D anh hoàn toàn không biết.

Anh Tạ Xuân H trình bày: Bị cáo có nhờ anh đứng tên hộ để mua xe mô tô AirBlade, anh không biết bị cáo lấy tiền ở đâu mua. Xe máy này hiện nay chưa đăng ký, giấy tờ mua bán và xe máy anh đã giao nộp cho cơ quan điều tra vì xe này là do bị cáo M.A mua, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì về chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Tạ Thị M.A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tạ Thị M.A từ 12 đến 13 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 12/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Tạ Thị M.A phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 179.600.000 đồng; cho anh Trần Trung D số tiền 414.420.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị :

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6s ; 01 điện thoại Nokia màu đen và 01 điện thoại Nokia màu xanh-đen của bị cáo Tạ Thị M.A.

- Tịch thu tiêu hủy : 03 sim điện thoại trong điện thoại Nokia màu đen; 02 sim điện thoại trong điện thoại Nokia màu xanh - đen.

- Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xanh đen, không có biển kiểm soát, số khung: RLHKF5306NZxxxxxx, số máy: KF53E-xxxxxxx; số tiền 40.000.000đồng đã được chuyển vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh B tại Kho bạc nhà nước theo giấy nộp tiền ngày 19/5/2023 để đảm bảo thi hành án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình nuôi 2 con nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội, làm ăn trả nợ cho các bị hại và chăm sóc con nhỏ.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Các bị hại là anh D và chị H đề nghị HĐXX xem xét xử mức án cao hơn mức Viện kiểm sát đề nghị, còn về phần trách nhiệm dân sự các bị hại không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Tạ Xuân H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về khắc phục hậu quả và chăm sóc hai con nhỏ.

Đôi đáp với ý kiến của các bị hại, đại diện Viện kiểm sát khẳng định đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, xem xét toàn diện vụ án và đề nghị xử bị cáo mức án từ 12 đến 13 năm tù là phù hợp. Do vậy, giữ nguyên quan điểm như đã luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra tiến hành thu thập, đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 8/2022 đến tháng 9/2022, Tạ Thị M.A sử dụng tài khoản Facebook “NPP Hồng Huy” tham gia vào các nhóm mạng xã hội mua- bán nước giải khát. Sau đó M.A giả danh người môi giới đặt mua hàng nước giải khát của các nhà phân phối chính thức. Sau khi được nhà phân phối nước giải khát chính thức cung cấp thông tin về chủng loại, số lượng, giá cả và địa điểm, vị trí kho hàng thì M.A tiếp tục sử dụng tài khoản fb “NPP Hồng Huy” đăng tin rao bán các mặt hàng này trong các nhóm mạng xã hội mua- bán nước giải khát với giá thấp hơn giá bán của nhà phân phối chính thức để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người đặt mua hàng của với bị cáo. Để che giấu hành vi phạm tội bị cáo đã đến cửa hàng kinh doanh vàng K tại địa chỉ khu H, phường x, thành phố Đ, tỉnh L nói dối tiền bị cáo mua vàng của cửa hàng sẽ do người nhà chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của cửa hàng. Vì vậy bà Lê Thị H là chủ cửa hàng đã cung cấp số tài khoản mang tên bà H mở tại ngân hàng BIDV cho bị cáo. Sau khi người bị hại chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của bà H thì bị cáo sử dụng phần lớn tiền lừa đảo chiếm đoạt được mua vàng của cửa hàng K, phần còn lại bị cáo yêu

cầu rút tiền mặt để chi tiêu cá nhân. Với thủ đoạn trên ngày 25/8/2022 bị cáo Tạ Thị M.A giả mạo môi giới bán cho anh Trần Trung D 2.470 thùng CocaCola lon của anh Tăng Văn V đặt ở kho hàng T, quận H, thành phố H, lừa đảo chiếm đoạt được **414.420.000 đồng** của anh Trần Trung D. Ngày 05/9/2022 bị cáo tiếp tục giả mạo môi giới bán cho chị Nguyễn Thị H 650 thùng CocaCola lon và 300 thùng bia lon Sài Gòn của Công ty T đặt ở kho hàng D, huyện H, thành phố H, lừa đảo chiếm đoạt được **179.600.000 đồng** của chị Nguyễn Thị H.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo Tạ Thị M.A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX nhận thấy, bị cáo đã có 02 lần thực hiện hành vi gian dối nhằm lừa đảo số tiền lớn của các bị hại là 594.020.000đ, đến nay bị cáo chưa bồi thường đồng nào cho các bị hại. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tạ Thị M.A đã chiếm đoạt tổng số tiền 414.420.000 đồng của anh Trần Trung D và 179.600.000 đồng của chị Nguyễn

Thị H. Do vậy, cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh D, chị H số tiền trên là phù hợp.

[5]. Về vật chứng: HĐXX xét thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xanh đen, không có biển kiểm soát, số khung: RLHKF5306NZxxxxxx, số máy: KF53E-xxxxxxx là do bị cáo dùng tiền lừa đảo được để nhờ anh H (là em trai của bị cáo) đứng tên mua xe này hộ và số tiền 40.000.000 đồng anh Mai Tiến D đã giao nộp cho cơ quan điều tra là do bị cáo dùng tiền lừa đảo được để mua Sim điện thoại của anh D, cơ quan điều tra đã trả lại Sim cho anh D. Do vậy, cần tạm giữ chiếc xe máy và 40 triệu đồng nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6s; 01 điện thoại Nokia màu đen; 01 điện thoại Nokia màu xanh-đen của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 03 sim điện thoại trong điện thoại Nokia màu đen; 02 sim điện thoại trong điện thoại Nokia màu xanh - đen của bị cáo không còn giá trị sử dụng vì vậy tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Thị M.A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tạ Thị M.A 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 12/9/2022.

Tiếp tục duy trì quyết định tạm giam số 160/2023/HSST-QĐTG ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Tạ Thị M.A phải bồi thường cho anh Trần Trung D 414.420.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 179.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6s có số Imei: 356647085312021; 01 điện thoại Nokia màu đen có số imei1: 353141112826321 và imei2: 353141117826326 và 01 điện thoại Nokia màu xanh - đen có số imei1: 352182860286293 và imei2: 352182862286291.

- Tịch thu tiêu hủy : 03 sim điện thoại trong điện thoại Nokia màu đen; 02 sim điện thoại trong điện thoại Nokia màu xanh - đen.

- Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xanh đen, không có biển kiểm soát, số khung: RLHKF5306NZxxxxxx, số máy: KF53E-xxxxxxx của bị cáo; số tiền 40.000.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh B tại Kho bạc nhà nước theo giấy nộp tiền ngày 19/5/2023 để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 113/2023 ngày 02/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tạ Thị M.A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 27.760.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10- CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT (PC 02)- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV 06- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Luật sư; đương sự;
- Lưu HS; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hòa

